

Phụ lục I
MẪU BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO
DỤC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON,
GIÁO DỤC

PHỔ THÔNG, GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN
*(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

PHÒNG GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO YÊN THÀNH
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ PHÚ HỒNG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM HỌC 2023-2024
(Thời điểm báo cáo ngày 25 tháng 9 năm 2024)

I. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Thông tin chung

- Tên trường: Trường THCS Phú Hồng
- Địa chỉ: Xóm Đồng Nam Hồng, xã Phú Thành, Yên Thành, Nghệ An.
- Địa chỉ gamil: c2phuthanh.yt@nghean.edu.vn
- Loại hình: Công Lập
- Sứ mạng: “Tạo dựng môi trường thân thiện, hợp tác, chia sẻ cùng tiến bộ, năng động sáng tạo, có trách nhiệm và chất lượng cao”
- Tầm nhìn “ Có uy tín giáo dục đối với cha mẹ học sinh, cộng đồng xã hội, học sinh được phát triển trong môi trường thân thiện, hiện đại”.
- Giá trị cốt lõi: “ Bền chí chuyên tâm – Học hành chăm chỉ”

2. 2.Quá trình hình thành và phát triển:

Năm 1965 trường cấp 2 Phú Thành được thành lập do tách ra từ trường cấp 2 Lãng Thành, khi đó trường có 3 lớp gồm 2 lớp 5 và 1 lớp 6. Năm 1981 trường được đổi tên thành trường PTCS Phú Thành (Do sát nhập trường cấp 1 và cấp 2 Phú Thành). Năm 1986 trường PTCS Phú Thành được tách ra thành 2 trường gồm: trường PTCS Nam Phú đóng tại trường Tiểu học Phú Thành ngày nay và trường PTCS Bắc Phú đóng tại trường Tiểu học Hồng Thành ngày nay. Năm 1991 trường THCS Phú Thành được tách ra từ trường PTCS Nam Phú và PTCS Bắc Phú. Năm 1994 trường THCS Phú Thành được tách ra thành 2 trường là Trường THCS Phú Thành và Trường THCS Hồng Thành (Do xã Phú Thành được tách ra thành 2 xã là Phú Thành và Hồng Thành). Năm 2012 Trường THCS Phú Thành và Trường THCS Hồng Thành sát nhập lại thành trường THCS Phú Hồng ngày nay theo quyết định số 5590/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm . Trường nằm ngay trung tâm của địa bàn xã Phú Thành; phía đông giáp xã Diễn Thái; phía bắc giáp xã Hồng Thành, phía Nam giáp xã Hợp Thành, phía Tây giáp với xã Văn Thành.

Trải qua 60 năm xây dựng và phát triển trường có bề dày truyền thống lịch sử, trường được tạo nên bởi sự cống hiến của nhiều thế hệ Hiệu trưởng và của nhiều thế

2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ	0													
4	Nhân viên y tế	0.5				0.5									
5	Nhân viên thư viện	0.5				0.5									
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	0.5				0.5									
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0													
8	Nhân viên công nghệ thông tin	0													

III.CƠ SỞ VẬT CHẤT

3.1.Cơ sở vật chất- diện tích đất, thiết bị dạy học

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	22	Số m2/học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	22	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	5	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	-
7	Bình quân lớp/phòng học	21/22	-
8	Bình quân học sinh/lớp	41.67	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m2)	9500 m ²	10.85 m ²
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m2)	5000 m ²	5,7m ²
VI	Tổng diện tích các phòng	1620 m ²	
1	Diện tích phòng học (m2)	1100 m ²	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m2)	460 m ²	
3	Diện tích thư viện (m2)	60 m ²	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m2)	0	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m2)	75 m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	4	0.33
1.1	Khối lớp 6	1	0.33
1.2	Khối lớp 7	1	0.33
1.3	Khối lớp 8	1	0.33
1.4	Khối lớp 9	1	0.33
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	12	
2.1	Khối lớp 6	3	
2.2	Khối lớp 7	3	
2.3	Khối lớp 8	3	
2.4	Khối lớp 8	3	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	100 m ²	
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	20	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	24	
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	0	

5	Thiết bị khác...	0	
6	Máy tính phục vụ giảng dạy và quản lý	26	
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	24	
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	0	
5	Thiết bị khác...		
..			
	Nội dung	Số lượng (m2)	
X	Nhà bếp	0	
XI	Nhà ăn	0	
	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú		
XIII	Khu nội trú		
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh
		Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2	2
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	Đạt	

(*Theo Thông tư số [12/2011/TT-BGDĐT](#) ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số [27/2011/TT-BYT](#) ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

3.2. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được các cơ quan thẩm quyền phê duyệt

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA THEO CHƯƠNG TRÌNH MỚI

STT	Tên sách	Số lượng	Giá trị còn sử dụng
	SGK LỚP 6 + SBT LỚP 6	235	
1	Âm nhạc 6	8	90%
2	GDCD 6	8	90%
3	Mỹ thuật 6	8	90%
4	Tài liệu GDĐP TPHP 6	3	90%
5	KHTN 6	8	90%
6	Tiếng anh 6 tập 1	8	90%
7	Tiếng anh 6 tập 2	8	90%
8	Tin học 6	8	90%

9	Ngữ văn 6 tập 1	8	90%
10	Ngữ văn 6 tập 2	8	90%
11	GDTC 6	8	90%
12	Lịch sử và địa lý 6	8	90%
13	Toán tập 1	8	90%
14	Toán tập 2	8	90%
15	Công nghệ 6	8	90%
16	HĐTNHN 6	8	90%
17	Bài tập tin học 6	8	90%
18	BT toán 6 tập 1	8	90%
19	BT toán 6 tập 2	8	90%
20	BT ngữ văn 6 tập 1	8	90%
21	BT ngữ văn 6 tập 2	8	90%
22	BT mỹ thuật 6	8	90%
23	BT công nghệ 6	8	90%
24	BT KHTN 6	8	90%
25	BT âm nhạc 6	8	90%
26	BT lịch sử và địa lý 6 phần lịch sử	8	90%
27	BT lịch sử và địa lý 6 phần địa lý	8	90%
28	BT HĐTNHN 6	8	90%
29	BT GDTC 6	8	90%
30	BT Tiếng anh 6 tập 1	8	90%
	SGK LỚP + SÁCH BÀI TẬP 7	192	90%
1	KHTN 7	8	90%
2	Toán 7 tập 1	8	90%
3	Toán 7 tập 2	8	90%
4	GDTC 7	8	90%
5	Công nghệ 7	8	90%
6	Âm nhạc 7	8	90%
7	Mỹ thuật 7	8	90%
8	GDTC 7	8	90%
9	Tiếng anh 7	8	90%
10	Tin học 7	8	90%

11	Ngữ văn 7 tập 1	8	90%
12	Ngữ văn 7 tập 2	8	90%
13	Lịch sử và địa lý 7	8	90%
14	HĐTNHN 7	8	90%
15	Tiếng anh SBT 7	8	90%
16	BT Tin học 7	8	90%
17	Vở BT thực hành Tin 7	0	90%
18	BT Lịch sử & Địa lý(Phần LS)	8	90%
19	BT Lịch sử & Địa lý(Phần ĐL)	8	90%
20	Vở TH Lịch sử & Địa lý(Phần LS)	0	90%
21	Vở TH Lịch sử & Địa lý(Phần LS)	0	90%
22	BTKHTN 7	8	90%
23	Vở THKHTN T1	0	90%
24	Vở THKHTN T2	0	90%
25	BTNV tập 1	8	90%
26	BTNV tập 2	8	90%
27	Vở BT NV 7 tập 1	0	90%
28	Vở BT NV 7 tập 2	0	90%
29	Vở BT Toán 7 tập 1	8	90%
30	Vở BT Toán 7 tập 2	8	90%
31	Vở BT TH Toán 7 tập 1	0	90%
32	Vở BT TH Toán 7 tập 2	0	90%
33	Vở BT GD CD 7	0	90%
34	Vở BT TH GD CD 7	0	90%
35	Vở BT CN 7	0	90%
36	BT Âm nhạc	8	90%
37	Tài liệu GDĐP HP lớp 7	0	90%
	SGK LỚP 8 +SBT	135	90%
1	Toán 8 tập một	5	90%
2	Toán 8 tập hai	5	90%
3	Ngữ văn 8, tập một	5	90%
4	Ngữ văn 8, tập hai	5	90%
5	Khoa học tự nhiên 8	5	90%

6	Công nghệ 8	5	90%
7	Giáo dục công dân 8	5	90%
8	Tin học 8	5	90%
9	Mỹ thuật 8	5	90%
10	Lịch sử và Địa lí 8	5	90%
11	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 8	5	90%
12	Âm nhạc 8	5	90%
13	Giáo dục thể chất 8	5	90%
14	Tiếng Anh 8 - SHS không đĩa	5	90%
15	Bài tập Toán 8 - tập 1 (KNTT)	5	90%
16	Bài tập Toán 8 - tập 2 (KNTT)	5	90%
17	Bài tập Ngữ văn 8 - tập một (KNTT)	5	90%
18	Bài tập Khoa học tự nhiên 8 (KNTT)	5	90%
19	Bài tập Lịch sử và Địa lí 8 - Phần Địa lí (KNTT)	5	90%
20	BT HĐTN 8	5	90%
21	Vở TH Văn 8 tập 1	0	90%
22	Vở TH Văn 8 tập 2	0	90%
23	BT GD CD 8	5	90%
24	Vở TH GD CD 8		90%
25	BT Lịch sử và Địa lý(Phần LS)	5	90%
26	BT Tin học	5	90%
27	Bt Mỹ thuật	5	90%
28	BT Âm nhạc	5	90%
29	BT công nghệ	5	90%
30	BT HĐTN 8	5	90%
31	Vở TH HĐTN lớp 8	0	90%
32	Vở TH KHTN lớp 8 Tập 2	0	90%
33	Vở TH Tin học 8	0	90%
34	Vở KHTN lớp 8 tập 1	0	90%
35	Vở TH Toán 8 tập 1	0	90%
36	Vở TH CN 8	0	90%
37	Vở TH Lịch sử & ĐL (Phần Địa)	0	90%
38	Vở BT TH Văn 8 tập 1	0	90%

39	Vở BT TH Văn 8 tập 2	0	90%
40	Vở TH Tiếng Anh 8	0	90%
41	Tài liệu GDĐP 8	0	90%
	SGK LỚP 9 + SBT	63	90%
1	Toán 9 tập 1	5	90%
2	Toán 9 tập 2	5	90%
3	Ngữ văn 9 tập 1	5	90%
4	Ngữ văn 9 tập 2	5	90%
5	Công nghệ 9 (Định hướng nghề nghiệp)	0	90%
6	Công nghệ 9 (Mô đun LĐMĐ trong nhà)	5	90%
7	Công nghệ 9 (Trồng cây ăn quả)	0	90%
8	Công nghệ 9 (Chế biến thực phẩm)	0	90%
9	Công nghệ 9 (Cắt may)	0	90%
10	Công nghệ 9 (Nông nghiệp 4.0)	0	90%
11	Tin học 9	3	90%
12	Mỹ thuật 9 bản 1	3	90%
13	Mỹ thuật 9 bản 2	0	90%
14	GDTC 9	3	90%
15	HĐTNHN 9 bản 1	3	90%
16	HĐTNHN 9 bản 2	0	90%
17	Âm nhạc 9	3	90%
18	Giáo dục công dân 9	3	90%
19	Khoa học tự nhiên 9	5	90%
20	Lịch sử và Địa lí 9	5	90%
		10	90%
21	Tiếng anh 9 Sách bài tập (sách học sinh)		
	TỔNG	63	

DANH MỤC SÁCH NGHIỆP VỤ THEO CHƯƠNG TRÌNH MỚI

S T T	Tên sách	Số lượng	Giá trị sử dụng
	SNV LỚP 6	70	
1	GDTC 6	5	90%

2	Tiếng anh 6	5	90%
3	Lịch sử và địa lý 6	5	90%
4	Mỹ thuật 6	5	90%
5	HĐTNHN 6	5	90%
6	Công nghệ 6	5	90%
7	Âm nhạc 6	5	90%
8	Toán 6	5	90%
9	Tin 6	5	90%
10	Ngữ văn 6 tập 1	5	90%
11	Ngữ văn 6 tập 2	5	90%
12	GDCD 6	5	90%
13	KHTN 6	5	90%
14	Tài liệu GDĐP HP	5	90%
	SNV LỚP 7	101	90%
1	Tiếng anh 7	8	90%
2	GDTC 7	8	90%
3	GDCD 7	8	90%
4	HĐTNHN 7	8	90%
5	Mỹ thuật 7	8	90%
6	Công nghệ 7	8	90%
7	Âm nhạc 7	8	90%
8	Toán 7	8	90%
9	KHTN 7	8	90%
10	Tin học 7	8	90%
11	Lịch sử và địa lý 7	8	90%
12	Ngữ văn 7 tập 1	8	90%
13	Ngữ văn 7 tập 2	8	90%
	SNV LỚP 8	36	90%
1	Toán 8 - SGK (KNTT)	3	90%
2	Ngữ văn 8 - tập một	3	90%
3	Ngữ văn 8 - tập hai -	3	90%
4	Công nghệ 8 - SGK (KNTT)	3	90%
6	Tin học 8 - SGK (KNTT)	3	90%

7	Mĩ thuật 8 - SGK (KNTT)	3	90%
8	Lịch sử và Địa lí 8	3	90%
9	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 8 -	3	90%
10	Âm nhạc 8 - SGK (KNTT)	3	90%
11	Giáo dục thể chất 8 -	3	90%
12	Tiếng Anh 8	3	90%
13	KHTN 8	3	90%
	Tổng	208	

<i>(Đối với sách theo dõi theo số cá biệt ghi trên sổ)</i>			
STT	Tên sách	Số lượng	Giá trị còn sử dụng
1	Truyện tranh dân ca Việt Nam	1	80%
2	Chị bò sặc sỡ	1	80%
3	Truyện lịch sử Việt Nam: Trần Hưng Đạo	1	80%
4	Những bé Vui học Toán	3	80%
5	Truyện Tranh: Mưa	1	80%
6	-Sức khỏe và những truyện thường ngày	2	80%
7	Hương ổi	3	80%
8	Muối và đom đóm	4	80%
9	Bảy điều ước	3	80%
10	Cây sung có hoa không	5	80%
11	Mặt trời và gà trống	5	80%
12	Vì sao em bị cảm	3	80%
13	Những người bạn đất nặn thần kỳ ...	3	80%
14	Tại sao chúng ta nổi da gà	3	80%
15	Thầy giáo cáo	5	80%
16	Hồ vàng hồ bạc	2	80%
17	Sức khỏe vì gia đình thân yêu	8	80%
18	Đám cưới chuột	2	80%

19	Vua heo	2	80%
20	Cỏ cây với con người	5	80%
21	Chuyện về mấy chủ thổ non ..	3	80%
22	Chuyện về món ba tê và khuôn bánh	2	80%
23	Chuyện về bà nhím.....	2	80%
24	Chuyện về chú sóc con	3	80%
25	Lettit	3	80%
26	Cỏ danh vàng	2	80%
27	Nước mắt thường luồng	2	80%
28	Những giọt nước mắt	6	80%
29	Vương miện cho ai	2	80%
30	Việt Nam non xanh nước biếc	3	80%
31	Hảo hán học đường	2	80%
32	Năm đêm với bé su	3	80%
33	Sin cậu bé bút chì	3	80%
34	Đôremon	10	80%
35	Bí mật môi trường sống	5	80%
36	Sức mạnh của word	3	80%
37	Chuyện cổ tích về tên tướng cướp	3	80%
38	Buổi chiều trên sông AMAZON	5	80%
39	Herry	7	80%
40	Ký ức của con vện	2	80%
41	Vũ a dĩnh	4	80%
42	Mưa trong thành phố lạ	2	80%
43	Kỳ diệu và kỳ ảo	4	80%
44	Những bước đi đầu tiên	3	80%
45	Vẽ đẹp ngựa đen	4	80%

46	Vương miện cho ai	1	80%
47	Cá heo lúc tảng sáng	1	80%
48	Nửa đêm trên mặt trăng	1	80%
49	Côn trùng	1	80%
50	Tháng 2 kể chuyện	2	80%
51	Tháng 4 kể chuyện	2	80%
52	Tháng 5 kể chuyện	4	80%
53	Tháng 6 kể chuyện	1	80%
54	Tháng 11 kể chuyện	1	80%
55	Chú đóm côi cút	1	80%
56	Hoàng tử nhỏ và cô bé nghèo khổ	1	80%
57	Tủ sách hướng nghiệp: nghề sư phạm	1	80%
58	Phát triển phần mềm	6	80%
59	Cỏ cây với con người	1	80%
60	Tô Hoài - chiếc xe bí mật	1	80%
61	Khuyến ba xoa - Cái xác trống rỗng	1	80%
62	Thùy Linh – Hahsel và Gretel	1	80%
63	Nguyễn Nhật Ánh - anh và em	1	80%
64	Nguyễn Thị Thập – từ đất Tiền Giang	4	80%
65	Roald Dahl – bay đơn	6	80%
66	Đỗ Nhuận – âm thanh cuộc đời	4	80%
67	Võ Phi Hùng – sống sót vĩa hè	1	80%
68	Trần Thiên Hương - cỏ may ngày xưa	1	80%
69	Nguyễn Hoàng Sơn - Đất mùa thu vào phố	4	80%
70	Malika Ferdjoukh – Bốn cô em gái	4	80%
71	Văn Linh – nơi xa	4	80%
72	Sự tích cái chân vịt	1	80%
73	Truyện ngụ ngôn thôn vàng	1	80%
74	Truyện cổ tích séc về tên tướng cướp	1	80%

75	Tranh truyện dân gian Việt Nam Cửa thiên trả địa	1	80%
76	Conan	30	80%
77	Shin – cậu bé bút chì	15	80%
78	Đỗ Nhật Nam – tớ đã học tiếng anh...	10	80%
79	Mười vạn câu hỏi vì sao	3	80%
80	Kì thủ cờ vua	1	80%
81	Thần đồng đất việt	1	80%
82	A tư và những người bạn	1	80%
83	An Dương Vương	1	80%
84	Đề em yêu thích môn toán	4	80%
85	Bản đồ tư duy cho trẻ thông minh	1	80%
86	Cách sử dụng bản đồ	1	80%
87	Câu chuyện kì diệu về Harry sugar	1	80%
88	Chìa khóa vàng – toán học	1	80%
89	Chiến dịch tiết kiệm năng lượng	1	80%
90	Chicken soup...	3	80%
91	Cuộc phiêu lưu kì thú của ếch xanh...	1	80%
92	Lực và năng lượng	1	80%
93	Tìm hiểu về khoa học	1	80%
94	Lược sử thế giới bằng tranh	2	80%
95	Những bộ óc vĩ đại-newton	1	80%
96	Những bộ óc vĩ đại-Darwin	1	80%
97	Những bộ óc vĩ đại – Hawkik	1	80%
98	Những bộ óc vĩ đại - Henlen	1	80%
99	Những bộ óc vĩ đại - Linclon	1	80%
100	Những cuộc phiêu lưu kỳ thú của nam tước	1	80%
101	Phân biệt nhu cầu ham muốn .	1	80%
102	Phép lịch sự	1	80%
103	Sẽ ra sao nếu nhà vệ sinh	1	80%

104	Sẽ ra sao nếu thiếu thuốc kháng sinh	1	80%
105	Tô hiện thành	1	80%
106	Tất tần tật câu hỏi quái đản nhất quả đất ...	1	80%
107	Tập làm nhà phát minh , hướng tới tương lai	1	80%
108	Tập làm nhà phát minh – không gian vũ trụ	1	80%
109	Tập làm nhà phát minh – sang chế công cụ	1	80%
110	Tập làm nhà phát minh – vũ khí chiến tranh	1	80%
111	Tủ sách nhà khoa học vĩ đại...	1	80%
112	Tủ sách nhà khoa học vĩ đại...	1	80%
113	Tủ sách nhà khoa học vĩ đại...	1	80%
114	Thế nào là cổ vật	1	80%
115	Cậu bé chặn cừu	1	80%
116	Chuột đồng và chuột	1	80%
117	Con gấu và hai người bạn	1	80%
118	Hai cha con và con lừa	1	80%
119	Ngỗng và rùa	1	80%
120	Rùa và thỏ	1	80%
121	Trần Hưng Đạo	1	80%
122	Trần Nhân Tông	1	80%
123	Truyện cổ tích kinh điển...	1	80%
124	Xôn xao trong nắng	1	80%
125	An Dương Vương	1	80%
126	Anne Frank là ai ?	1	80%
127	Đảo giấu vàng	1	80%
128	Đảo trốn tìm	1	80%
129	Đừng bao giờ học nói chuyện gì	1	80%
130	Dr. Sauss là ai ?	1	80%
131	Các chất hỗn hợp	1	80%
132	Khoa học x những định luật	1	80%
133	Kim loại , phi kim, các chất phản ứng	1	80%

134	Và nóng lên toàn cầu	1	80%
135	Galileo là ai ?	1	80%
136	Hạt giống tâm hồn – Mãi mãi Là yêu thương , 34	1	80%
137	Hạt giống tâm hồn dành cho tuổi teen	2	80%
138	Không gia đình - KĐ	1	80%
139	Lược sử t/g bằng tranh – Đế chế Mông Cổ	5	80%
140	Lược sử t/g bằng tranh – sơ đồ tóm tắt l/s....	1	80%
141	Lược sử thế giới bằng tranh tập 1 ...	4	80%
142	Mẹ Teresa-Nguồn sáng từ trái tim	1	80%
143	Nelson Mandela là ai ?	1	80%
144	Những điều cực đỉnh về tiếng anh ...	1	80%
145	Những điều cực đỉnh về vũ trụ ...	1	80%
146	Những cuộc phá án ly kỳ của thám tử Sherlock Holmes 1	1	80%
147	Sẽ ra sao nếu thiếu điện	1	80%
148	Sẽ ra sao nếu thiếu nước sạch	1	80%
149	Tô Hiến Thành	1	80%
150	Tập làm nhà phát minh – không gian vũ trụ	1	80%
151	Tập làm nhà phát minh – sáng chế công cụ	1	80%
152	Tập làm nhà phát minh-vũ khí chiến tranh	1	80%
153	Tủ sách nhà khoa học vĩ đại- Issac Newton	1	80%
154	Thành Cát Tư Hãn là ai ?	1	80%
155	Thời thơ ấu của các huyền thoại thể thao	1	80%
156	Trần Nhân Tông	1	80%
157	Triệu Việt Vương	1	80%
158	Truyện cổ tích kinh điển thế giới	1	80%
159	Tuổi thơ Hà Nội ngày xưa	1	80%

160	Vượt qua thử thách đầu đời	1	80%
161	Hệ Miễn Dịch Tâm Hồn	1	80%
162	HGTH: Dành cho học sinh , sinh viên	1	80%
163	Lịch sử đồng tiền	1	80%
164	Làm cho tiền của bạn sinh sôi	1	80%
165	Dám thay đổi từ A-Z	1	80%
166	Các kì thi toán ...	1	80%
167	Các bài giảng về toán ...	1	80%
168	Hùm xám đường số 4	1	80%
169	Các bài giảng toán cho Mirela	1	80%
170	Người mặt nạ đen	1	80%
171	Hạnh phúc ở trong ta	1	80%
172	Con trai ngoài giờ học nói chuyện gì	1	80%
173	Con gái ngoài giờ học nói chuyện gì	1	80%
174	Khoảng trời bình yên co tuổi tin	1	80%
175	Cẩm nang dành cho tuổi tin	1	80%
176	Tự truyện – không gục ngã	1	80%
177	Bí quyết để đạt được ước mơ	1	80%
178	Đừng bao giờ từ bỏ ước mơ	1	80%
179	Thử thách những ước mơ	1	80%
180	Những câu hỏi kì thú về thế giới xung quanh	1	80%
181	Chìa khóa vàng – hóa học	1	80%
182	Chìa khóa vàng – toán học	1	80%
183	Chìa khóa vàng – công nghệ sinh học	1	80%
184	Truyện tranh lịch sử việt nam- lý Thường Kiệt	1	80%
185	Hậu ngô vương	1	80%
186	Đất nước vạn xuân	1	80%
187	Lý Công Uẩn –xây thăng long	2	80%
188	Lý Thái Tông Hoàng Đế	1	80%
189	Kĩ năng và kiến thức xh dành cho trẻ tiểu học và trung học	3	80%

190	Blegger giấu mặt	1	80%
191	Tớ tư duy như một nhà toán học	2	80%
192	Trò chơi toan học	1	80%
193	Ướp xác kim tự tháp	1	80%
194	Lắng nghe cuộc sống	1	80%
195	Truyện dài thiếu nhi	1	80%
196	Bí quyết học nhanh nhớ lâu	1	80%
197	Những câu đố tư duy và logic	1	80%
198	Hoàng tử bé	1	80%
199	Bơi tự cứu	1	80%
200	Tuổi thơ hà nội ngày xưa	1	80%
201	Bài hát thần tiên	1	80%
202	Bước chân lên cửa	1	80%
203	Mắt đen của tôi ơi	1	80%
204	Truyện dài thiếu nhi	1	80%
205	Ngọn lửa đêm 30	1	80%
206	Cầu vòng trong đêm	2	80%
207	Alice ở xứ sở trong gương	1	80%
208	Tập làm nhà phát minh	3	80%
209	Tủ sách nhà khoa học vĩ đại	3	80%
210	Anh em nhà LeMe	1	80%
211	Nghệ thuật gấp giấy	1	80%
212	101 thí nghiệm- tuyệt vời ông mặt trời	5	80%
213	Đồng tiền giàu và nghèo	1	80%
214	Tủ sách nhà khoa học trẻ	5	80%
215	Đồng tiền những bài học đầu tiên	2	80%
216	Làm cho tiền bạn sinh sôi	1	80%
217	Nghề quản lý tiền	1	80%
218	Niềm vui sáng tạo	1	80%
219	Kính vạn hoa	1	80%
220	Truyện cổ tích màu vàng	1	80%
221	Tập làm nhà phát minh...	7	80%

222	Học cách học tập	1	80%
223	Học cách ứng xử	1	80%
224	Học cách làm việc	1	80%
225	Mùa hè leo núi	1	80%
226	Ông già nô en	1	80%
227	Nhím ơi ngủ ngon	1	80%
228	Mai trường xưa	1	80%
229	Tranh lịch sử việt nam:Trần nhân tông	1	80%
230	Yết Kiêu	1	80%
231	An Dương Vương	1	80%
232	Đinh Bộ Lĩnh	1	80%
233	Lý Nam Đế	1	80%
234	Con tim mùa phượng vĩ	1	80%
235	Thiên đường bóng tối	1	80%
236	Lên đồi cỏ mượt	1	80%
237	Voi chúa và hoàng tử nhỏ	1	80%
238	Trò chuyện khoa học 4.0	1	80%
239	Chó hoang	1	80%
240	Cùng khám phá công nghệ	1	80%
241	Trong và ngoài dây thép gai	1	80%
242	Góc nhỏ yêu thương	1	80%
243	Trong mắt trái tim	1	80%
244	Nếu như không có điện	1	80%
245	Học cho ai và học để làm gì tập 1	1	80%
246	Học cho ai và học để làm gì tập 2	1	80%
247	Cỏ may ngày xưa	1	80%
248	Lớp học bồ câu trắng	1	80%
249	Đợi mặt trời	1	80%
250	Những vì sao trong mơ	1	80%
251	Nhưng tấm lòng yêu thương	1	80%
252	Tư duy như một nhà quốc gia	1	80%
253	Chỉ thấy mây trời	1	80%

254	Sức mạnh chỉ tiêu	1	80%
255	5 vấn đề khoa học chưa được giải quyết	1	80%
256	Ươm mầm tài năng toán học	1	80%
257	Để có 1 cơ thể khỏe mạnh	2	80%
258	Những gì làm nên tôi	1	80%
259	Câu hỏi quái đản	2	80%
260	Bí mật hồ cá thần	1	80%
261	Bất ngờ lia lia	1	80%
262	Cắm chướng đỏ	1	80%
263	Nhạc giữa trời	1	80%
264	Búp bê cô đơn	1	80%
265	Trần Thu Hùng	1	80%
266	Sài Gòn ơi có người nơi ấy chờ	1	80%
267	Theo 1 người về biển	1	
268	Búp bê cô đơn	1	80%
269	Hai vạn dặm dưới biển	5	80%
270	Búp bê cô đơn	3	80%
271	Yêu thương của mẹ	10	80%
272	Giấc mơ trung thu	3	80%
273	Thì thầm tiếng cát	5	80%
274	Trai mùa xuân	3	80%
275	Đi qua những mùa vàng	2	80%
276	Trai mùa xuân	2	80%
	Tổng	568	80%

IV.KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

4.1.Kết quả tự đánh giá theo Thông tư hiện hành về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

4.1.1.Tự đánh giá các tiêu chí theo kiểm định chất lượng:

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả				Nội dung không đạt
	Không đạt	Đạt			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường					
Tiêu chí 1.1			X		
Tiêu chí 1.2			X		
Tiêu chí 1.3			X		
Tiêu chí 1.4			X		
Tiêu chí 1.5			X		
Tiêu chí 1.6			X		
Tiêu chí 1.7			X		
Tiêu chí 1.8			X		
Tiêu chí 1.9			X		
Tiêu chí 1.10			X		
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh					
Tiêu chí 2.1			X		
Tiêu chí 2.2			X		
Tiêu chí 2.3			X		
Tiêu chí 2.4			X		
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học					
Tiêu chí 3.1	X				
Tiêu chí 3.2	X				
Tiêu chí 3.3	X				Nhà xe, nhà kho xuống cấp. Thiếu trang thiết bị khởi hành chính – quản trị.

Tiêu chí 3.4		x			
Tiêu chí 3.5	x				Hệ thống máy tính còn thiếu và xuống cấp Còn thiếu thiết bị dạy học bộ môn
Tiêu chí 3.6	x				Thư viện chưa đạt chuẩn
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội					
Tiêu chí 4.1			x		
Tiêu chí 4.2			x		
Tiêu chuẩn 5					
Tiêu chí 5.1			x		
Tiêu chí 5.2			x		
Tiêu chí 5.3			x		
Tiêu chí 5.4			x		
Tiêu chí 5.5			x		
Tiêu chí 5.6			x		

Kết luận: Đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức 2 và Chuẩn quốc gia Mức độ 1.

4.1.2. Kế hoạch cải tiến.

Thực hiện phát triển chiến lược nhà trường giai đoạn 2021-2026 và định hướng đến 2030, các kế hoạch chiến lược hằng năm, kế hoạch trung hạn, kế hoạch dài hạn. Đảm bảo tốt việc quản lý hành chính, học chính và tài chính;

Tích cực đổi mới công tác dạy học, tổ chức các hoạt động giáo dục nâng cao năng lực cá nhân từng học sinh. Đổi mới công tác bồi dưỡng giáo viên, chú trọng việc tự học, tự bồi dưỡng của giáo viên và bồi dưỡng nâng cao năng lực và dạy và học Tiếng Anh;

Tham mưu, đề xuất với các cấp, các ngành đầu tư thêm cơ sở vật chất cho nhà trường đáp ứng yêu cầu trường chuẩn Quốc gia mức độ 2 và để đảm bảo đáp ứng dạy và học cũng như tổ chức các hoạt động giáo dục khác; xây dựng thêm phòng học bộ môn đáp ứng nhu cầu và các điều kiện cho dạy và học, từng bước đầu tư trang thiết bị dạy học để đáp ứng yêu cầu đổi mới;

Quản lý tốt các hoạt động giáo dục, nâng cao chất lượng 2 mặt giáo dục của

học sinh. Thực hiện hiệu quả đổi mới chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Tiếp tục hoàn thiện hồ sơ, đề nghị Phòng GD&ĐT, Sở GD&ĐT kiểm tra, tư vấn

Đảm bảo tốt các chế độ chính sách cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và các chế độ chính sách cho học sinh.

Tiếp tục tham mưu, đề xuất với các cấp, các ngành sớm hoàn thiện thêm cơ sở vật chất cho nhà trường đảm bảo để duy trì trường chuẩn.

Phát huy tối đa sự tham gia của cộng đồng và cha mẹ học sinh vào tất cả các hoạt động của nhà trường để nâng cao chất lượng. Quản lý tốt các hoạt động giáo dục, nâng cao chất lượng 2 mặt giáo dục của học sinh. Tiếp tục triển khai và thực hiện hiệu quả việc rút kinh nghiệm đổi mới chương trình giáo dục phổ thông 2018.

V.KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

5.1.Thông tin tuyển sinh:

- Số hs tuyển sinh đầu cấp (lớp 6): 279 em.

5.2.Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm(Theo TT26,58)	871	278	203	166	224
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	91.07%				91.07%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	8.93%				8.93%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0.00%				0.00%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0.00%				0.00%
5	Không xếp loại	0.00%				0.00%
II	Số học sinh chia theo hạnh kiểm(Theo TT22)					
1	Tốt	79.29%	81.65%	80.79%	73.49%	
2	Khá	18.86%	17.99%	18.72%	20.48%	
3	Đạt	1.85%	0.36%	0.49%	6.02%	
4	Chưa đạt.	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
III	Số học sinh chia theo học lực (Theo TT26,58)					
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	18.75%				18.75%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	46.43%				46.43%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	34.38%				34.38%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0.45%				0.45%

5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0.00%				0.00%
6	Không xếp loại	0.00%				0.00%
IV	Số học sinh chia theo học lực(Theo TT22)					
1	Giỏi	15.92%	7.91%	21.67%	22.29%	
2	Khá	34.62%	37.41%	35.96%	28.31%	
3	Đạt	48.53%	52.88%	41.87%	49.40%	
4	Chưa đạt.	0.93%	1.80%	0.49%	0.00%	
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp(Đậu TN) (tỷ lệ so với tổng số)		98.20%	99.51%	100.00%	99,55%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	16.65%	7.91%	21.67%	22.29%	18.75%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	11.94%				46.43%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	7.26%	10.43%	3.45%	6.63%	0.00%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0.93%	1.80%	0.49%	0.00%	0.45%
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	0.23%	0.37%	0.00%	0.00%	0.45%
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0.34%	0.00%	0.00%	0.00%	1.34%
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện				14	21
2	Cấp tỉnh/thành phố					1
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế.					
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp					224
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp					223
1	Giỏi(tỷ lệ so với tổng số)					18.83%
2	Khá(tỷ lệ so với tổng số)					46.64%
3	TB(Tỷ lệ so với tổng số)					34.53%
4	Đậu nhưng không xếp loại					0
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng(tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số HS nam/số HS nữ	409/367	104/101	85/79	130/101	90/86
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	4	1	1	0	2

VI.KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

6.1.Công khai quyết toán ngân sách và các khoản thu, chi năm 2023

Số: 120 /QĐ-CKTC- THCS PH

Phú Thành, ngày 25 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**V/v công bố công khai quyết toán ngân sách và các khoản thu chi
năm học 2023 -2024 của trường THCS Phú Hồng**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ PHÚ HỒNG

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015 và hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành quy định tiêu chuẩn, định mức chi và chế độ quản lý sử dụng kinh phí của Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ vào nguồn kinh phí Ngân sách cấp, khoản thu học phí được để lại và các khoản thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật;

Căn cứ quy chế chi tiêu nội bộ năm học 2023-2024;

Căn cứ biên bản quyết toán tài chính năm học 2023-2024 của trường THCS Phú Hồng với Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Yên Thành;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán thu ngân sách và các khoản thu chi năm 2023

của trường THCS Phú Hồng(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Kế toán trưởng; tổ trưởng các tổ chuyên môn và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

-Phòng Tài chính - KH huyện (Báo cáo)
-Kho bạc Nhà nước huyện;(Báo cáo)
-Phòng GD&ĐT Yên Thành(Báo cáo)
-Lưu VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG

Trần Trung Diện

**Phụ lục công khai quyết toán ngân sách và các khoản thu chi
năm học 2023 -2024 của trường THCS Phú Hồng**

STT	CHỈ TIÊU	SỐ LIỆU BÁO CÁO QUYẾT TOÁN	GHI CHÚ
A	Quyết toán thu trong năm		
I	Kinh phí chưa quyết toán năm trước chuyển sang	157,504,772	
1	Nguồn NS	-	
2	Thu tài trợ giáo dục	63,063,357	
3	Nguồn HP	28,142,182	
4	Tiền CSSKBD	4,360,788	
5	Tiền trông giữ xe	-	
6	Tiền học thêm	15,776,041	
7	Tiền thu hộ chi hộ	527,307	
8	Tiền MGHP NS cấp bù	45,600,000	
9	Thu khác (lãi tài khoản TG,...)	35,097	
II	Kinh phí giao, thu trong năm	9,745,611,232	
1	Số thu nộp NSNN	0	
1.1	Thu phí, lệ phí	0	
1.2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	0	
1.3	Thu viện trợ	0	
2	Thu sự nghiệp khác (Chi tiết)	9,745,611,232	
2.1	Thu ngân sách	7,831,895,000	
2.2	Thu vận động tài trợ	226,786,143	
2.3	Thu học phí	462,010,000	
2.4	Thu CSSKBD	29,921,732	
2.5	Thu trông giữ xe đạp	98,703,000	
2.6	Thu học thêm	1,044,165,000	
2.7	Tiền thu hộ chi hộ		
2.8	Thu Miễn giảm HP ngân sách cấp bù	45,410,000	
2.9	Thu khác (lãi tài khoản TG, thu khác)	6,720,357	
III	Kinh phí được sử dụng trong năm	9,903,116,004	
1	Số thu nộp NSNN		
1.1	Thu phí, lệ phí	0	
1.2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	0	
1.3	Thu viện trợ	0	
2	Thu sự nghiệp khác(Chi tiết)	9,903,116,004	
2.1	Thu ngân sách	7,831,895,000	
2.2	Thu vận động tài trợ	289,849,500	
2.3	Thu học phí	490,152,182	
2.4	Thu CSSKBD	34,282,520	
2.5	Thu trông giữ xe đạp	98,703,000	
2.6	Thu học thêm	1,059,941,041	

2.7	Tiền thu hộ chi hộ	527,307	
2.8	Thu Miễn giảm HP ngân sách cấp bù	91,010,000	
2.9	Thu khác (lãi tài khoản TG, thu khác)	6,755,454	
B	Quyết toán chi trong năm	9,495,229,338	
I	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	8,116,504,500	
1	Mục 6000 Lương cơ bản	3,849,496,085	
2	Mục 6050 Trả tiền công cho người LĐ		
3	Mục 6100 Phụ cấp lương	2,168,345,749	
4	Mục 6150 học bổng, hỗ trợ khác cho HS	122,630,000	
5	Mục 6300 Các khoản đóng góp	1,143,025,366	
6	Mục 6500 Thanh toán dịch vụ công cộng	17,010,972	
7	Mục 6550 Vật tư văn phòng	11,183,041	
8	Mục 6600 Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	20,618,098	
9	Mục 6700 Công tác phí	19,100,000	
10	Mục 6750 Chi phí thuê mướn	43,660,389	
11	Mục 6900 Sửa chữa, duy tu TS	168,163,400	
12	Mục 6950 Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	357,836,400	
13	Mục 7000 Chi phí nghiệp vụ ngành	140,515,000	
14	Mục 7750 Chi khác	54,920,000	
II	Quyết toán chi nguồn khác	1,378,724,838	
1	Mục 6000 Lương cơ bản	166,968,000	
2	Mục 6050 Trả tiền công cho người LĐ	26,300,000	
3	Mục 6100 Phụ cấp lương		
4	Mục 6150 học bổng, hỗ trợ khác cho HS	28,480,000	
	Mục 6250 Phúc lợi tập thể	18,701,000	
5	Mục 6300 Các khoản đóng góp		
	Mục 6400 Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	69,798,000	
6	Mục 6500 Thanh toán dịch vụ công cộng	7,504,000	
7	Mục 6550 Vật tư văn phòng	19,000,000	
8	Mục 6600 Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		
9	Mục 6700 Công tác phí	13,750,000	
10	Mục 6750 Chi phí thuê mướn	52,460,000	
11	Mục 6900 Sửa chữa, duy tu TS		
12	Mục 6950 Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn		
13	Mục 7000 Chi phí nghiệp vụ ngành	99,122,838	
14	Mục 7750 Chi khác	835,322,000	
15	Mục 9350 thuế và các loại lệ phí liên quan	41,319,000	
C	Kinh phí chuyển sang năm sau	407,886,666	
1	Thu ngân sách	0	
2	Thu vận động tài trợ	0	
3	Thu học phí	755,000	

4	Thu CSSKBĐ	0	
5	Thu trông giữ xe đạp	33,908,000	
6	Thu học thêm	316,200,000	
7	Tiền thu hộ chi hộ	0	
8	Thu Miễn giảm HP ngân sách cấp bù	56,412,000	
9	Thu khác (lãi tài khoản TG, thu khác)	611,666	

6.2.Công khai dự toán ngân sách và các khoản thu năm 2024

PHÒNG GD & ĐT YÊN THÀNH
TRƯỜNG THCS PHÚ HỒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 121 /QĐ-CKTC- THCS PH

Phú Thành, ngày 25 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**V/v công bố dự toán ngân sách và các khoản thu
năm 2024 của trường THCS Phú Hồng**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ PHÚ HỒNG

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015 và hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành quy định tiêu chuẩn, định mức chi và chế độ quản lý sử dụng kinh phí của Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ vào nguồn kinh phí Ngân sách cấp, khoản thu học phí được để lại và các khoản thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật;

Căn cứ quy chế chi tiêu nội bộ năm học 2024-2025;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố dự toán thu ngân sách và các khoản năm học 2024-2025 của trường THCS Phú Hồng(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Kế toán trưởng; tổ trưởng các tổ chuyên môn và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính - KH huyện (Báo cáo)
- Kho bạc Nhà nước huyện;(Báo cáo)
- Phòng GD&ĐT Yên Thành(Báo cáo)
- Lưu VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG

Trần Trung Diện

Phụ lục công khai các khoản thu khác từ học sinh: mức thu học phí và các khoản thu khác năm học 2023-2024 và dự kiến cho 2 năm tiếp theo

STT	Nội Dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
I	Năm học 2023-2024			
1	Học phí	Đồng/học sinh/tháng	60,000	
2	Học thêm dạy thêm	Đồng/học sinh/buổi	15,000	
3	Trông giữ xe	Đồng/học sinh/tháng	12,000	
4	BHYT	Đồng/học sinh/12 tháng	884,520	
II	Năm học 2024-2025			
1	Học phí	Đồng/học sinh/tháng	60,000	
2	Học thêm dạy thêm	Đồng/học sinh/buổi	16,000	
3	Trông giữ xe	Đồng/học sinh/tháng	12,000	
4	BHYT	Đồng/học sinh/12 tháng	884,520	
III	Năm học 2025-2026			
1	Học phí	Đồng/học sinh/tháng	60,000	Dự kiến giữ nguyên mức thu năm học 2024-2025
2	Học thêm dạy thêm	Đồng/học sinh/buổi	16,000	
3	Trông giữ xe	Đồng/học sinh/tháng	12,000	
4	BHYT	Đồng/học sinh/12 tháng	884,520	

VI. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1.1 Công tác duy trì sĩ số, phổ cập

Khối	Số lớp	Số học sinh		HS bỏ học		Chuyển trường	
		Đầu năm	Cuối năm	SL	Tỷ lệ	Đến	Đi
6	6	279	278			0	1
7	5	203	203			0	0
8	4	166	166			0	0
9	6	227	224	3	1,32	0	0
Tổng	21	875	871	3	0,34	0	1

- Số học sinh bỏ học 3 em chiếm tỷ lệ 0,34%,

- Năm 2023 được huyện công nhận là đơn vị phổ cập bậc THCS mức 3

1.2 Kết quả hoạt động dạy học và thi đua cuối năm

TT	Các tiêu chí	Chỉ tiêu đặt ra		Thành tích đạt được	Đánh giá
1	Thi đua nhà trường	-Tập thể lao động tiên tiến. - Tập thể lao động Xuất sắc.		Tập thể lao động tiên tiến.	Chưa đạt
2	Công đoàn	Hoàn thành XS nhiệm vụ		Xuất sắc	
3	Liên đội	Hoàn thành Tốt nhiệm vụ		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Đạt
4	Giáo viên	CSTĐ cơ sở: 7		CSTĐ cơ sở: 7	Đạt
		Giấy Khen CT huyện: 4		Giấy Khen CT huyện: 4	Đạt
		Giấy Khen HT: 15		Giấy Khen HT: 22	Vượt
		LĐTT: 45		LĐTT: 45	Đạt
		HTXS nhiệm vụ: 11/45		HTXS nhiệm vụ: 11/45	Đạt
		HTT nhiệm vụ: 34/45		HTT nhiệm vụ: 34/45	Đạt
		SKKN: + Tỉnh: 01 + Huyện 12		SKKN: + Tỉnh: 01 + Huyện 12	Đạt
		GVG cấp trường: 20		GVG cấp trường: 20	Đạt
		CNG cấp trường : 10		CNG cấp trường : 4	Chưa đạt
5	Học sinh giỏi tỉnh và các giải cấp tỉnh	Văn Hóa: 01 em		Văn hóa: Có 1 HSG Tỉnh môn Vật lý(Trịnh bảo Long – 9G).	Đạt
		HKPĐ: 2 em		-HKPĐ cấp tỉnh: 1 em đạt giải 3 môn Bóng chuyền(Phạm Thị Minh Thư- 9E)	Chưa đạt
6	HSG cấp huyện	Khối 9	Tiếng Anh, KHTN, Văn, Toán) và 3 giải KK(Toán, TA) Văn hóa: Xếp thứ 19/32	Có 21 em đậu HSG huyện, đứng vị thứ 19/32. Tăng 11 bậc so với năm học trước. Trong đó 10 giải 3(Địa lý, Hóa học, Lịch Sử, Tiếng Anh , Sinh, Toán và Vật lý.); 11 Giải KK. Có 6 em dự thi vòng 2 và vòng 3:	Chưa đạt

[illegible]

